|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc *Đồng Nai, ngày tháng năm 2023* |

**BÁO CÁO**

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH**

**Dự thảo Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Thực tiễn sản xuất nông nghiệp nước ta nói chung, tỉnh Đồng Nai nói riêng hiện nay đang có những vấn đề đặt ra đó là:

 Việc sử dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, kháng sinh,v.v… như một yếu tố quan trọng của thâm canh góp phần làm nên những thành tựu to lớn của nông nghiệp thời gian qua, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới. Tuy tạo ra được số lượng nông sản lớn nhưng chất lượng chưa cao nên thu nhập của đại bộ phận người dân còn thấp do chỉ đáp ứng được phân khúc thị trường giá rẻ. Phương thức sản xuất thâm canh cao dựa trên nền hóa học đã tạo ra năng suất trần không còn nhiều cơ hội để phát triển; đồng thời gây ô nhiêm môi trường (đất, nước, không khí) do sử dụng quá mức phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật, kháng sinh. Quá trình hội nhập quốc tế đòi hỏi chất lượng nông sản cao; nhu cầu lương thực, thực phẩm an toàn không ngừng tăng lên, nhất là sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao và vấn đề bảo vệ môi trường đã đặt ra những thách thức rất lớn đối với sản xuất nông nghiệp hiện nay.

Sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho phép khai thác tối ưu các nguồn tài nguyên như đất, năng lượng, các chất dinh dưỡng, các quá trình sinh học diễn ra trong tự nhiên với một phương pháp quản lý hợp lý nhất, tạo ra sản phẩm, đáp ứng nhu cầu về an toàn thực phẩm, đồng thời cũng đảm bảo cho hệ thống sản xuất bền vững về môi trường, xã hội và kinh tế.

Với đặc điểm an toàn, đảm bảo vệ sinh thực phẩm và tốt cho sức khỏe con người, thực phẩm hữu cơ đang ngày càng được người tiêu dùng ưa chuộng; đáp ứng nhu cầu ăn ngon và bảo vệ môi trường đang trở thành xu hướng tiêu dùng tiên tiến hiện nay và trong thời gian tới. Tiêu thụ thực phẩm hữu cơ đã trở thành một xu hướng mới ở Việt Nam; thậm chí, trong vài năm trở lại đây, các sản phẩm hữu cơ đang tạo nên cơn sốt đối với một bộ phận người tiêu dùng.

Phát triển nông nghiệp nông nghiệp hữu cơ là quan điểm xuyên suốt đã được Nghị quyết Hội nghị lần thứ V, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII xác định “*Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, tích hợp đa giá trị theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh, gắn với đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch và phát triển thị trường nông sản cả ở trong nước và ngoài nước;...;khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn;....; Phát huy lợi thế vùng, miền, địa phương, tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo*”.

 Đại hội đại biểu lần thứ XI Đảng bộ tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2020-2025 xác định một trong các khâu đột phá, đó là*“Tập trung phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm; công nghiệp chế biến sâu nông sản và các dịch vụ nông nghiệp để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”.*

Thực hiện Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 – 2030 và Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 về nông nghiệp hữu cơ; nhiều tỉnh thành trong nước đã ban hành chính sách để hỗ trợ thúc đẩy phát triển nông nghiệp hữu cơ, như: Lâm Đồng, Tuyên Quang, Vĩnh Long,… các nội dung hỗ trợ chủ yếu gồm: kinh phí xác định vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ; đánh giá cấp chứng nhận; chế phẩm sinh học, phân bón hữu cơ; thức ăn chăn nuôi; máy móc, trang thiết bị, chuồng trại; điểm bán và giới thiệu sản phẩm. Tại Đồng Nai, UBND tỉnh đã chỉ đạo, triển khai phát triển nông nghiệp hữu cơ, cụ thể hóa bằng Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 23/4/2021 về phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Quyết định số 4162/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020-2030; đến nay, toàn tỉnh có 10 ha được chứng nhận sản xuất hữu cơ, 18,7 ha đang trong giai đoạn chuyển đổi, Tập đoàn Quế Lâm đã hỗ trợ vật tư, giống, quy trình để xây dựng 3 mô hình hữu cơ đối với cây lúa (2,1 ha), chăn nuôi heo (20 heo nái ban đầu đã sinh sản 116 heo thịt, 40 heo con) – theo Biên bản thỏa thuận hợp tác đồng hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và Công ty Cổ phần Tập đoàn Quế Lâm giai đoạn 2022 – 2025.

Mặc dù, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ đã được Chính phủ ban hành tại Nghị định số 109/2018/NĐ-CP, tuy nhiên, chủ yếu là áp dụng các chính sách đã được ban hành, như: chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn, chính sách liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại, v.v.; việc áp dụng để triển khai thực hiện hỗ trợ sản xuất nông nghiệp hữu cơ gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do mỗi chính sách có đối tượng thụ hưởng, điều kiện thụ hưởng khác nhau.

Theo Nghị định số 109/2018/NĐ-CP của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ, chính sách đặc thù để hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình, nên không thu hút được các doanh nghiệp có năng lực, đầu tư vào sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn nên kết quả đạt được chưa tương xứng với quy mô sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Hiện nay, diện tích sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh còn chiếm tỷ lệ rất nhỏ.

Do vậy, việc ban hành chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là yêu cầu cần thiết góp phần thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XI Đảng bộ tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2020-2025và Quyết định số 4162/QĐ-UBND ngày 06/11/2020 phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020-2030.

**2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

a) Mục tiêu tổng thể

Phát triển nền nông nghiệp hữu cơ có giá trị gia tăng cao, bền vững, thân thiện với môi trường sinh thái, gắn với kinh tế nông nghiệp tuần hoàn phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Tạo cơ chế pháp lý hỗ trợ, thúc đẩy phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; khuyến khích, thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

b) Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025, toàn tỉnh đạt 1.830 ha trồng trọt hữu cơ, 5000 con heo, 200.000 con gia cầm, 800 con bò, 100 tấn mật ong, 300 kg yến được sản xuất hữu cơ; 200 ha thủy sản hữu cơ; đối với sản phẩm dược liệu và lâm sản ngoài gỗ từ tự nhiên, tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 90-95%; đối với sử dụng môi trường rừng để sản xuất tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 75-80%. Nâng cao hiệu quả của sản xuất hữu cơ trên một đơn vị diện tích; giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản hữu cơ cao gấp 1,3 lần so với sản xuất thông thường.

- Đến năm 2030, toàn tỉnh đạt 3.750 ha trồng trọt hữu cơ, 10.000 con heo, 500.000 con gia cầm, 1.500 con bò, 300 tấn mật ong, 500 kg yến được sản xuất hữu cơ; 500 ha thủy sản hữu cơ; đối với sản phẩm dược liệu và lâm sản ngoài gỗ từ tự nhiên, tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 95 - 98%; đối với sử dụng môi trường rừng để sản xuất tỷ lệ sản lượng hữu cơ trên tổng sản lượng đạt khoảng 80-85%. Nâng cao hiệu quả của sản xuất hữu cơ trên một đơn vị diện tích; giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản hữu cơ cao gấp 1,5 lần so với sản xuất thông thường.

**II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**1. Chính sách 1: Hỗ trợ xác định khu vực đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ**

*1.1. Xác định vấn đề bất cập*

- Do quá trình thâm canh lâu dài trước đây đã sử dụng nhiều phân bón hóa học, hóa chất bảo vệ thực vật, ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí do phát triển công nghiệp và đặc tính thổ nhưỡng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nên nhiều diện tích đất canh tác có khả năng không đủ điều kiện theo tiêu chuẩn để sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Vì vậy cần phải được kiểm tra, đánh giá xác định các điều kiện trước khi đưa vào sản xuất hữu cơ. Đây là quy định theo TCVN 11041-1:2017

- Theo Nghị định số 109/2018/NĐ-CP, chính sách hỗ trợ xác định khu vực sản xuất nông nghiệp hữu cơ chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình, không hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và doanh nghiệp lớn.

*1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề*

- Hỗ trợ cho các thành phần kinh tế, kể cả doanh nghiệp vừa và lớn

- Phân tích các mẫu đất, mẫu nước để xác định diện tích có đủ điều kiện, tiêu chuẩn sản xuất hữu cơ theo TCVN 11041-1:2017

*1.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề*

- Phương án 1: Hỗ trợ doanh nghiệp 100% kinh phí xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ, gồm điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí.

- Phương án 2: không hỗ trợ nội dung này cho doanh nghiệp vừa và lớn (áp dụng theo Nghị định 109/2018/NĐ-CP).

*1.4. Đánh giá tác động các giải pháp*

- Phương án 1:

+ Tác động về kinh tế: Khi có chính sách hỗ trợ sẽ thu hút được các doanh nghiệp đủ năng lực tham gia đầu tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Thực tế hợp tác xã, hộ cá thể, trang trại có thể sản xuất nông nghiệp hữu cơ, tuy nhiên, vấn đề phân phối, tiêu thụ sản phẩm với giá trị khác biệt là hạn chế. Chỉ các doanh nghiệp đủ năng lực tham mới hình thành chuỗi phân phối, tiêu thụ sản phẩm hữu cơ. Khi có chính sách hỗ trợ sẽ thu hút được các doanh nghiệp đủ năng lực tham gia đầu tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Tuy nhiên, khi áp dụng chính sách sẽ tăng chi ngân sách nhà nước.

+ Tác động về xã hội: Huy động được các doanh nghiệp đủ năng lực tham gia đầu tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ

+ Tác động đối với môi trường:Trong quá trình triển khai thực hiện sản xuất hữu cơ các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân phải thực hiện các tiêu chuẩn về sản xuất hữu cơ do đó không ảnh hưởng mà còn góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.

+ Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính mới.

+ Hệ thống pháp luật: Việc ban hành chính sách này sẽ phù hợp với thực tế của địa phương và khắc phục những tồn tại, hạn chế của các chính sách đã ban hành. Theo đúng quy định của pháp luật.

- Phương án 2: không thu hút được các thành phần kinh tế tham gia đầu tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Không phải chi ngân sách.

*1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Thực hiện theo Phương án 1, sẽ huy động được các thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp có tiềm lực tham gia sản xuất, phân phối, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ với giá trị gia tăng hợp lý.

**2. Chính sách 2: Hỗ trợ cấp giấy chứng nhận sản phẩm hữu cơ**

*2.1. Xác định vấn đề bất cập*

- Chứng nhận sản phẩm hữu cơ nhằm khẳng định sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, giấy chứng nhận là yếu tố quan trọng khi đưa sản phẩm ra thị trường. Tuy nhiên, chi phí để cấp chứng nhận sản phẩm hữu cơ hiện nay cao; theo khảo sát các đơn vị tư vấn chứng nhận hữu cơ trong nước, để chứng nhận cho diện tích 3-5 ha liền thửa, chi phí chứng nhận bình quân khoảng 100 triệu đồng, giấy chứng nhận chỉ có giá trị trong thời gian nhất định (2 năm). Việc chứng nhận làm tăng chi phí sản xuất. Giai đoạn đầu mới chuyển sang sản xuất nông nghiệp hữu cơ, thị trường tiêu thụ chưa ổn định, việc thu hồi vốn của người sản xuất kéo dài.

- Theo Nghị định số 109/2018/NĐ-CP, chính sách hỗ trợ xác định khu vực sản xuất nông nghiệp hữu cơ chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình (không hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và lớn). Nội dung hỗ trợ chỉ áp dụng đối với chứng nhận sản phẩm phù hợp Tiêu chuẩn hữu cơ Việt Nam, không hỗ trợ đối với chứng nhận tiêu chuẩn hữu cơ nước ngoài.

*2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề*

­- Hỗ trợ kinh phí chứng nhận hữu cơ để khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất sản phẩm hữu cơ đạt chứng nhận; giảm bớt khó khăn trong giai đoạn đầu khi thị trường tiêu thụ chưa ổn định.

- Hỗ trợ chứng nhận theo tiêu chuẩn nước ngoài, sản phẩm hữu cơ của tỉnh có điều kiện tham gia thị trường nông nghiệp hữu cơ thế giới.

 *2.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề*

*- Phương án 1:* Hỗ trợ một lần 100% chi phí cấp Giấy chứng nhận (tư vấn, giám sát, đánh giá, cấp giấy) sản phẩm nông nghiệp phù hợp Tiêu chuẩn Việt Nam và Tiêu chuẩn nước ngoài về nông nghiệp hữu cơ (chứng nhận lần đầu hoặc chứng nhận lại). Tổng mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/giấy chứng nhận/dự án.

- *Phương án 2:* Không hỗ trợ cấp giấy chứng nhận đối với sản phẩm đạt tiêu chuẩn hữu cơ nước ngoài và không hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa trở lên.

*2.4. Đánh giá tác động các giải pháp*

- Phương án 1:

+ Tác động về kinh tế: thu hút được các doanh nghiệp đủ năng lực tham gia đầu tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ trong và ngoài nước; tạo được niềm tin đối với người tiêu dùng.

 Tuy nhiên, khi áp dụng chính sách sẽ tăng chi ngân sách nhà nước.

+ Tác động về xã hội: Huy động được các doanh nghiệp đủ năng lực tham gia đầu tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ; mở rộng được thị trường và kênh phân phối; người tiêu dùng phân biệt giữa sản phẩm hữu cơ và sản phẩm truyền thống. Tránh tình trạng gian lận thương mại

+ Tác động đối với môi trường:Trong quá trình triển khai thực hiện sản xuất hữu cơ các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chủ trang trại và người nông dân phải thực hiện các tiêu chuẩn về sản xuất hữu cơ do đó không ảnh hưởng mà còn góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.

+ Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

+ Hệ thống pháp luật: Việc ban hành chính sách này sẽ phù hợp với thực tế của địa phương và khắc phục những tồn tại, hạn chế của các chính sách đã ban hành. Theo đúng quy định của pháp luật.

- Phương án 2:

+ Tác động về kinh tế: không thu hút được các doanh nghiệp đủ năng lực tham gia đầu tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ, khó mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ trong và ngoài nước; Không tăng chi ngân sách nhà nước.

+ Tác động về xã hội: không thúc đẩy được các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ do chi phí đánh giá cấp giấy chứng nhận cao, xkhông nhận diện được sản phẩm nông nghiệp hữu cơ. Nguy cơ gian lận thương mại.

+ Tác động đối với môi trường: không ảnh hưởng đến môi trường

+ Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

*2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Thực hiện theo Phương án 1, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất hữu cơ, chứng minh nguồn gốc của sản phẩm hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

**3. Chính sách 3: Hỗ trợ giống, vật tư để sản xuất nông nghiệp hữu cơ**

*3.1. Xác định vấn đề bất cập*

- Để chuyển đổi sang sản xuất và chứng nhận sản phẩm nông nghiệp hữu cơ đòi hỏi chi phí cao. Năng suất cây trồng giảm so với sản xuất thông thường; thời gian chăn nuôi kéo dài. Giai đoạn đầu mới chuyển sang sản xuất nông nghiệp hữu cơ, thị trường tiêu thụ chưa ổn định, việc thu hồi vốn của người sản xuất kéo dài. Để sản xuất nông nghiệp hữu cơ cần bố trí vùng đệm, do đó, diện tích sản xuất giảm hoặc phát sinh chi phí tạo vùng cánh ly. Các yếu tố này là trở ngại lớn cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Theo kết quả điều tra của Bộ Nông nghiệp và PTNT về năng suất cây trồng hữu cơ ở 12 tỉnh, thành phố cho thấy, năng suất bình quân cây trồng hữu cơ thấp hơn so với thông thường khoảng 10-15%. Chi phí sản xuất hữu cơ cao hơn sản xuất thông thường: lúa hữu cơ cao gấp 1,32 lần; rau hữu cơ cao gấp 1,29 lần; cam hữu cơ cao gấp 1,19 lần; heo hữu cơ cao gấp 1,32 lần; gà hữu cơ cao gấp 1,24 lần so với sản xuất thông thường.

- Các chính sách hiện có, chưa hỗ trợ trong khâu sản xuất. Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ và Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ (Nghị quyết 10/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh) về khuyến nông, không quy định hỗ trợ giống, vật tư cho sản xuất đại trà. Do vậy, để khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, cần có hỗ trợ giống, vật tư để hạn chế khó khăn trong việc đầu tư và thu nhập trong giai đoạn chuyển đổi sang sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

*3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề*

Hỗ trợ một phần kinh phí để các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, nông dân đảm bảo thu nhập trong quá trình chuyển đổi, mạnh dạn chuyển đổi sang sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

*3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề*

*a) Phương án 1:*

- Hỗ trợ 100% chi phí chế phẩm sinh học để xử lý phụ phẩm nông nghiệp, xử lý môi trường; chất làm sạch, khử trùng; chất cải tạo nước. Mức hỗ trợ tối đa: không quá 01 triệu đồng/ha đối với lĩnh vực trồng trọt; không quá 05 triệu đồng/ha đối với lĩnh vực thủy sản; không quá 500 ngàn đồng/đơn vị vật nuôi đối với lĩnh vực chăn nuôi.

- Hỗ trợ 50% chi phí giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật đối với lĩnh vực trồng trọt; giống, thức ăn hữu cơ, thuốc thú y, thuốc thủy sản đối với lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản. Mức hỗ trợ như sau:

+ Lĩnh vực trồng trọt:

Cây lương thực, rau ăn lá, nấm ăn: không quá 11 triệu đồng/ha;

Rau ăn trái, đậu các loại: không quá 15 triệu đồng/ha;

Cây ăn quả, cây dược liệu: không quá 34 triệu đồng/ha.

Cây công nghiệp: không quá 27 triệu đồng/ha; riêng cây điều: không quá 20 triệu đồng/ha.

+ Lĩnh vực chăn nuôi: không quá 05 triệu đồng/đơn vị vật nuôi.

+ Lĩnh vực thủy sản: không quá 20 triệu đồng/ha.

+ Lĩnh vực lâm nghiệp: dược liệu, lâm sản thực phẩm, sử dụng môi trường rừng để sản xuất, không quá 11 triệu đồng/ha.

*b) Phương án 2:* không hỗ trợ sản xuất hữu cơ.

*3.4. Đánh giá tác động các giải pháp*

*-* Phương án 1:

+ Tác động về kinh tế: chính sách hỗ trợ chế phẩm sinh học, giống, vật tư để sản xuất nông nghiệp hữu cơ nhằm hỗ trợ một phần chi phí đầu tư ban đầu cho các tổ chức, cá nhân để bù đắp phần thu nhập giảm do giảm do năng suất cây trồng và thời gian chăn nuôi kéo dài, thị trường tiêu thụ chưa ổn định.

Tuy nhiên, khi áp dụng chính sách sẽ tăng chi ngân sách nhà nước.

+ Tác động về xã hội: Khuyến khích được các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn.

+ Tác động đối với môi trường:Do chỉ hỗ trợ vật tư sản xuất đều là các sản phẩm hữu cơ nên không ảnh hưởng đến môi trường sinh thái mà còn góp phần bảo vệ môi trường.

+ Tác động về thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

+ Hệ thống pháp luật: Việc ban hành chính sách này sẽ phù hợp với thực tế của địa phương và khắc phục những tồn tại, hạn chế của các chính sách đã ban hành. Theo đúng quy định của pháp luật.

- Phương án 2:

+ Tác động về kinh tế: Nhà nước không phát sinh chi ngân sách.

+ Tác động về xã hội: Không thúc đẩy được các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ do rủi ro còn cao.

*3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn*

Thực hiện theo Phương án 1, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn.

**III. Ý KIẾN THAM VẤN**

1. Xin ý kiến tham gia, góp ý của các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố. Phương pháp lấy ý kiến: gửi văn bản và hồ sơ dự thảo Nghị quyết để xin ý kiến.

2. Xin ý kiến Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tỉnh, các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia sản xuất nông nghiệp; Trường Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế. Phương pháp lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Xin ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai. Phương pháp lấy ý kiến: Gửi văn bản và hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết để xin ý kiến.

4. Xin ý kiến Nhân dân: đăng tải trên Công thông tin điện tử tỉnh.

**IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức giám sát, đánh giá kết quả triển khai thực hiện chính sách báo cáo Hội đồng nhân nhân tỉnh. Xử lý khó khăn, kiến nghị liên quan của các dự án nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

**V. PHỤ LỤC**

Dự kiến kinh phí hàng năm để triển khai thực hiện chính sách là 12.723 triệu đồng, từ nguồn ngân sách cấp huyện, cụ thể:

- Hỗ trợ xác định vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ: 600 triệu đồng;

- Hỗ trợ chi phí cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn hữu cơ: 9.000 triệu đồng

- Hỗ trợ giống, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ: 2.943 triệu đồng;

- Hỗ trợ đầu tư điểm bán, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp hữu cơ: 180 triệu đồng.

 *(Chi tiết tại phụ biểu đính kèm)*